

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT**

**ĐỒ THU HIỀN**

**DI CHỨC CHUNG CỦA VỢ, CHỒNG THEO  
PHÁP LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Luật Dân sự  
Mã số: 603830**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI - 2010**

*Công trình được hoàn thành tại:*

## **KHOA LUẬT - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

Người hướng dẫn khoa học:.....

Phản biện 1: .....

.....  
.....  
.....

Phản biện 2: .....

.....  
.....  
.....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp tại Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi: ..... giờ ..... ngày ..... tháng..... năm.....

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

**Thư viện Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội**

**Trung tâm Thông tin Thư viện – Đại học Quốc gia Hà Nội**

# MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề tài

Chế định về quyền thừa kế là một trong số những chế định quan trọng trong BLDS năm 2005. Các quy định về thừa kế được quy định tại Phần thứ IV BLDS năm 2005, từ Đ631 đến Đ687.

Khi xã hội phát triển về mọi mặt, trong đó có hoạt động sản xuất kinh doanh, cung ứng dịch vụ để tạo ra của cải vật chất. Theo đó sự phân công lao động trong xã hội và chuyên môn hóa sản xuất ngày càng cao. Tài sản của mỗi cá nhân được xác lập do hoạt động sản xuất kinh doanh, cung ứng dịch vụ thuộc các thành phần kinh tế ngày càng lớn và đa dạng. Do vậy, khi một cá nhân qua đời thì việc hưởng di sản của người đó trở thành một vấn đề lớn trong xã hội, được nhiều người quan tâm. Các tranh chấp liên quan đến quan hệ nhận và chuyển giao tài sản của người chết xuất hiện ngày càng nhiều hơn. Giải quyết các tranh chấp về thừa kế không đơn giản, không phải lúc nào Tòa án nhân dân các cấp cũng giải quyết một cách thỏa đáng các tranh chấp đó.

Pháp luật Việt Nam hiện hành quy định có hai hình thức thừa kế là thừa kế theo di chúc và thừa kế theo pháp luật. Hình thức chia thừa kế theo di chúc là hình thức chia thừa kế trong đó ý chí của người để lại di sản được Nhà nước tôn trọng và bảo vệ thông qua các quy phạm pháp luật. Bên cạnh di chúc cá nhân pháp luật Việt Nam còn quy định về di chúc chung của vợ, chồng. Quy định này làm phức tạp thêm việc giải quyết các tranh chấp về thừa kế. Vì vậy, học viên lựa chọn đề tài: “Di chúc chung của vợ, chồng theo pháp luật dân sự Việt Nam” để thực hiện luận văn cao học Luật, nhằm đáp ứng về mặt lý luận và thực tiễn của việc nghiên cứu đề tài. Do vậy, đề tài có tính cấp thiết.

## 2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Tính đến thời điểm hiện nay về thừa kế ở nước ta đã có nhiều công trình khoa học nghiên cứu đáng kể nhất là những công trình sau:

- Thừa kế của công dân Việt Nam từ 1945 đến nay, NXB Tư pháp 2004, sách chuyên khảo của TS. Phùng Trung Tập

- Luật Thừa kế Việt Nam, NXB Hà Nội 2007, sách chuyên khảo của TS.

Phùng Trung Tập

- Thừa kế theo di chúc, luận án tiến sỹ của Phạm Văn Tiết

- Những quy định chung về quyền thừa kế, luận án tiến sỹ của Nguyễn Minh Tuấn

- Di sản thừa kế, Luận án tiến sỹ của Trần Thị Huệ

- ...

Tuy nhiên các công trình nói trên chỉ giải quyết quan hệ thừa kế theo di chúc và theo pháp luật nói chung hoặc giải quyết những vấn đề cụ thể trong quan hệ thừa kế di sản mà chưa có một công trình khoa học nào nghiên cứu về di chúc chung của vợ, chồng theo pháp luật dân sự Việt Nam nên học viên lựa chọn đề tài: “Di chúc chung của vợ, chồng theo pháp luật dân sự Việt Nam” để nghiên cứu chuyên sâu về một vấn đề hẹp nhưng phức tạp ở nước ta hiện nay.

### **3. Phương pháp nghiên cứu đề tài**

Khi nghiên cứu đề tài học viên đã sử dụng phối hợp các phương pháp: Phương pháp duy vật biện chứng, phương pháp duy vật lịch sử, phương pháp phân tích, tổng hợp và phương pháp so sánh.

### **4. Mục đích nghiên cứu đề tài**

Nhằm xác định cụ thể di chúc chung của vợ, chồng và hiệu lực pháp lý của di chúc chung do vợ, chồng lập ra. Đồng thời có so sánh liên hệ để nhằm làm nổi bật đặc điểm về hiệu lực của di chúc chung của vợ, chồng. Qua đó, phân tích, đánh giá những quy định của pháp luật về di chúc chung của vợ, chồng ở tính phù hợp, mức độ phù hợp với đời sống thực tế. Nhằm đánh giá hiệu quả điều chỉnh của pháp luật quy định về di chúc chung của vợ, chồng. Qua việc phân tích này đưa ra những khuyến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam quy định về di chúc chung của vợ, chồng giúp cho cơ quan lập pháp sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật quy định về di chúc chung của vợ, chồng.

### **5. Những điểm mới của luận văn**

- Luận văn đã giải quyết được về mặt lý luận liên quan đến di chúc chung của vợ, chồng cũng như hiệu lực của loại di chúc này.

- Luận văn chỉ ra những bất cập trong những quy định về di chúc chung của vợ, chồng trong BLDS năm 2005.

- Luận văn xây dựng được khái niệm và đặc điểm của di chúc chung của vợ, chồng.

- Luận văn đã hệ thống hóa toàn diện về những quy định của pháp luật về di chúc chung của vợ, chồng.

- Với những kết quả nghiên cứu trong luận văn đã là căn cứ khoa học, đáp ứng được những yêu cầu về mặt lý luận và thực tiễn để giúp cơ quan lập pháp sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật quy định về di chúc chung của vợ, chồng.

## **6. Kết cấu luận văn**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn được cấu tạo bởi ba chương:

Chương 1 – Khái niệm quyền thừa kế và thừa kế theo di chúc

Chương 2 – Lý luận về di chúc chung của vợ, chồng và hiệu lực pháp luật di chúc chung của vợ, chồng

Chương 3 – Thực trạng pháp luật quy định về di chúc chung của vợ, chồng và giải pháp hoàn thiện pháp luật

## Chương 1

# KHÁI NIỆM QUYỀN THỪA KẾ VÀ THỪA KẾ THEO DI CHỨC

### 1.1. KHÁI NIỆM QUYỀN THỪA KẾ

#### 1.1.1. *Quyền thừa kế theo nghĩa khách quan*

Quyền thừa kế theo nghĩa khách quan là một chế định pháp luật dân sự, là tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh việc dịch chuyển tài sản của người chết cho người khác theo di chúc hoặc theo một trình tự nhất định, phạm vi quyền, nghĩa vụ và phương thức bảo vệ các quyền và nghĩa vụ của người thừa kế.

Chế định thừa kế quy định có hai cách để định đoạt phần di sản của người chết cho người khác còn sống: người có tài sản lập di chúc để định đoạt tài sản hoặc theo một trình tự nhất định của pháp luật. Tương ứng với hai cách đó, có hai hình thức thừa kế là thừa kế theo di chúc và thừa kế theo pháp luật.

Các quy định về thừa kế được quy định tại Phần thứ IV BLDS năm 2005, từ Đ631 đến Đ687. Theo sự phát triển của pháp luật Việt Nam, các quy phạm pháp luật dân sự đã có nhiều thay đổi theo các giai đoạn lịch sử, theo đó các chế định về quyền thừa kế cũng thay đổi theo. Sự sửa đổi, bổ sung các chế định trong các bộ luật dân sự nói chung và các chế định về quyền thừa kế nói riêng là sự kế thừa các quy định của giai đoạn trước có sửa đổi, bổ sung.

#### 1.1.2. *Quyền thừa kế theo nghĩa chủ quan*

Quyền thừa kế theo nghĩa chủ quan là quyền của người để lại di sản và quyền của người nhận di sản. Quyền thừa kế của chủ thể là khả năng xử sự của các chủ thể quan hệ pháp luật thừa kế được quy phạm pháp luật về thừa kế quy định và được Nhà nước bảo đảm thực hiện. Quyền chủ quan này phải phù hợp với các quy định của pháp luật nói chung và pháp luật về thừa kế nói riêng.

Khi xem xét về thừa kế thì di sản là một trong những vấn đề được quan tâm trước tiên. Di sản là cơ sở để thiết lập di chúc bên cạnh các căn cứ khác. Tài sản của người chết để lại được gọi là di sản, chỉ khi di sản còn tồn tại trên thực tế thì người lập di chúc mới có “cái” để định đoạt.

Những người được thừa kế theo quy định của pháp luật không phụ thuộc

vào mức độ năng lực hành vi. Cho dù người đó có hay không có năng lực hành vi hay năng lực hành vi không đầy đủ đều có quyền thừa kế. Trong trường hợp như vậy thì cần có người giám hộ, người giám hộ sẽ thực hiện giúp những người này các quyền và nghĩa vụ trong phạm vi tài sản của họ.

## **1.2. KHÁI NIỆM THỪA KẾ THEO DI CHỨC VÀ DI CHỨC CHUNG VỢ, CHỒNG**

### ***1.2.1. Khái niệm thừa kế theo di chúc***

#### ***1.2.1.1. Di chúc***

Như đã đề cập ở trên, có hai hình thức thừa kế là thừa kế theo di chúc và thừa kế theo pháp luật. Chỉ khi người chết có để lại di chúc định đoạt di sản, di chúc đó hợp pháp thì khi đó mới có thể đề cập tới việc thừa kế theo di chúc.

Theo quy định của luật Dân sự “*di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết*”.<sup>[1]</sup>

Người lập di chúc dựa vào ý chí và tình cảm của mình định đoạt cho bất cứ ai, bất cứ tổ chức nào mà họ muốn được hưởng di sản sau khi mình qua đời. Có hai hình thức của di chúc là di chúc văn bản và di chúc miệng.

#### ***Thứ nhất: Di chúc miệng***

Thực tế, không phải lúc nào người lập di chúc cũng có đủ điều kiện để lập di chúc bằng văn bản nên pháp luật thừa kế có quy định cho người để lại di chúc có thể lập di chúc miệng nhưng chỉ trong trường hợp bất khả kháng mới lập di chúc miệng. Đó là khi tính mạng một người bị cái chết đe dọa do bệnh tật hoặc các nguyên nhân khác mà không thể lập di chúc bằng văn bản.

Luật Dân sự quy định điều kiện có hiệu lực của di chúc miệng khắt khe hơn so với điều kiện có hiệu lực của di chúc bằng văn bản. Trên cơ sở xem xét quy định về di chúc miệng có thể nhận thấy cho dù như thế nào thì cuối cùng ý chí của người lập di chúc vẫn phải thể hiện bằng văn bản mặc dù không phải do người lập di chúc trực tiếp viết hay chứng kiến việc viết ra văn bản đó.

#### ***Thứ hai: Di chúc bằng văn bản:***

Di chúc bằng văn bản có thể lập theo mẫu (phụ lục 1) hoặc theo cách soạn thảo riêng của người lập di chúc. Nhưng đều phải đáp ứng được các điều kiện luật định.

### *1.2.1.2. Điều kiện di chúc hợp pháp*

Di chúc được lập ra không phải ngay lập tức có hiệu lực, nó chỉ ghi nhận ý chí cá nhân tại thời điểm lập di chúc. Di chúc chỉ phát sinh hiệu lực sau khi người lập di chúc chết. Vì vậy, khi còn sống người lập di chúc có quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hay huỷ bỏ di chúc; Và cũng chỉ duy nhất người lập di chúc mới có quyền này; Không ai có quyền vi phạm quyền tự do thể hiện ý chí của người lập di chúc. Bất kỳ sự tác động nào tới việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hay huỷ bỏ di chúc mà không theo ý chí của người lập di chúc đều bị coi là hành vi vi phạm pháp luật.

### *1.2.1.3. Thừa kế theo di chúc*

Khi người sở hữu tài sản lập di chúc theo đúng các quy định của pháp luật thì việc định đoạt di sản của người đó sẽ được thực hiện theo di chúc. Việc hưởng thừa kế theo sự định đoạt của người lập di chúc được gọi là thừa kế theo di chúc.

*“Thừa kế theo di chúc là việc chuyển dịch tài sản của người đã chết cho người khác còn sống theo quyết định của người đó trước khi chết được thể hiện trong di chúc.” [8]*

Nội dung cơ bản của thừa kế theo di chúc là chỉ định người thừa kế và phân định tài sản, quyền tài sản cho họ, giao cho họ nghĩa vụ tài sản.

## **1.2.2. Khái niệm di chúc chung của vợ, chồng**

### *1.2.2.1. Định nghĩa di chúc chung của vợ, chồng*

*“Di chúc chung của vợ chồng là di chúc chung để định đoạt tài sản chung của vợ, chồng”[11]*

Với tư cách là đồng sở hữu chung hợp nhất đối với tài sản vợ, chồng có quyền định đoạt tài sản chung bằng nhiều cách, trong đó có quyền định đoạt tài sản chung bằng cách lập di chúc. Di chúc chung vợ, chồng có thể coi là một loại di chúc đặc biệt so với di chúc cá nhân.

Di chúc chung vợ, chồng thể hiện sự đồng thuận vợ, chồng trong việc định đoạt tài sản chung. Chủ thể lập di chúc chung không phải là cá nhân mà là hai người: vợ và chồng, trên cơ sở bàn bạc, thoả thuận đi đến thống nhất lập di chúc để định đoạt khối tài sản chung và thống nhất nội dung của di chúc đó. Tuy



nhiên, cần phân biệt sự thoả thuận này với việc thoả thuận giữa các chủ thể khi cùng nhau thiết lập các loại hợp đồng. Di chúc chung tuy có sự thoả thuận nhưng hoàn toàn không phải là một dạng hợp đồng. “*Hợp đồng là sự thoả thuận giữa hai hay nhiều bên về một vấn đề nào đó, từ đó làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt quyền và nghĩa vụ tương ứng của các bên*”[12] Di chúc chung có sự thoả thuận, nhưng các chủ thể thoả thuận ở cùng một bên - bên để lại di sản. Sự thoả thuận của các bên khi lập di chúc chung không nhằm làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt quyền và nghĩa vụ của bên kia mà sự thoả thuận đó nhằm thống nhất ý chí chung của hai bên vợ, chồng trong việc định đoạt tài sản chung của vợ, chồng cho người thứ ba khác, tổ chức hay Nhà nước và phân định tài sản cho người thừa kế cũng như việc thực hiện các quyền khác của người lập di chúc.

#### *1.2.2.2. Cơ sở thiết lập di chúc chung của vợ, chồng*

Khác với di chúc của cá nhân thể hiện ý chí cá nhân trong việc định đoạt tài sản thuộc sở hữu của mình, di chúc chung được thiết lập trên cơ sở quan hệ hôn nhân và quan hệ sở hữu chung hợp nhất đối với tài sản chung vợ chồng. Chỉ khi quan hệ này tồn tại một cách hợp pháp thì di chúc chung mới có cơ sở ban đầu để hình thành. Kể từ khi quan hệ hôn nhân hợp pháp được thiết lập từ thời điểm đó chế độ tài sản chung cũng hình thành.

##### *Thứ nhất: Quan hệ hôn nhân*

Với quy định của luật hôn nhân và gia đình năm 2000 hôn nhân hợp pháp phải là hôn nhân có đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Bằng chứng hôn nhân và từ đó là bằng chứng của vợ, chồng hợp pháp là giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Nam, nữ chung sống với nhau như vợ, chồng mà không đăng ký kết hôn thì không được pháp luật công nhận là vợ, chồng.

##### *Thứ hai: Quan hệ tài sản*

Tài sản chung của vợ, chồng được xây dựng thành một chế định cơ bản trong luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam. Chỉ khi có tài sản chung thì vợ, chồng mới có thể thiết lập di chúc chung. Khi vợ hoặc chồng muốn thiết lập các giao dịch có liên quan đến tài sản chung của vợ, chồng thì nhất thiết phải vì lợi ích chung của gia đình, phải có sự đồng ý của bên kia và trong trường hợp có

thiệt hại thì vợ chồng phải liên đới chịu trách nhiệm. Chế độ tài sản chung của vợ, chồng được pháp luật ghi nhận và quy định trên cơ sở sự phát triển của điều kiện kinh tế - xã hội. Nhà nước ta ghi nhận chế độ tài sản chung của vợ, chồng trước hết dựa trên cơ sở bình đẳng giữa vợ và chồng về mọi phương diện.

### *1.2.2.3. Hiệu lực của di chúc chung của vợ, chồng*

Di chúc chung của vợ, chồng theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành chỉ phát sinh hiệu lực khi hai người cùng chết hoặc sau khi người sau cùng chết. Theo đó, nếu một người vợ hoặc người chồng chết thì không ngay lập tức di chúc chung phát sinh hiệu lực. Sau khi người vợ hoặc chồng chết người còn sống sẽ quản lý di sản (trừ trường hợp có thoả thuận khác) vì di sản chung đang được vợ, chồng sử dụng chung và có nhiều tài sản là vật đồng bộ hay là vật không chia được và sau khi người này chết thì di chúc chung sẽ phát sinh hiệu lực. Người thừa kế bắt buộc phải đợi thời điểm người sau cùng chết mới được hưởng phần di sản của mình và hưởng các quyền khác có liên quan. Mọi tranh chấp trước thời điểm người sau cùng chết không được giải quyết. Và trước thời điểm đó nội dung di chúc hoàn toàn có thể bị thay đổi bởi người còn sống (phần di chúc định đoạt tài sản của người còn sống). Trường hợp đặc biệt cả hai người cùng chết thì thời điểm hai người cùng chết là thời điểm di chúc phát sinh hiệu lực.

## **1.3. TIẾN TRÌNH PHÁT TRIỂN PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH VỀ DI CHỨC CHUNG CỦA VỢ CHỒNG**

### *1.3.1. Trước năm 1990*

Do điều kiện lịch sử Việt Nam, trước năm 1990 là giai đoạn mà pháp luật chưa thực sự hoàn thiện, các quy định về thừa kế nói chung là không nhiều và nằm rất rải rác trong các văn bản pháp luật khác nhau. Các quy phạm cũng chưa thể dự liệu được hết các quan hệ xã hội nảy sinh. Việc áp dụng pháp luật nói chung, pháp luật về thừa kế nói riêng còn nhiều khó khăn. Đây là thực trạng chung của pháp luật Việt Nam và pháp luật về thừa kế là một phần trong đó. Pháp luật về thừa kế thời gian này chưa dự liệu được hết các tình huống xảy ra trên thực tế mà chỉ chủ yếu là quy định về một số vấn đề cơ bản.

#### *1.3.1.1. Thời kỳ pháp luật phong kiến*

Di chúc chung chưa được quy định trong pháp luật thừa kế trong thời kỳ này. Xem xét Bộ luật Hồng Đức và luật Gia Long đều không thấy có quy định về di chúc chung của vợ, chồng.

Nhưng thực tế di chúc chung của vợ, chồng vẫn tồn tại khách quan và khá phổ biến. Đặc biệt là khi tư tưởng phong kiến nặng nề thì đại đa số tài sản chung trong gia đình được định đoạt thông qua di chúc chung. Thực tế này được cho rằng xuất phát từ nguyên nhân hệ tư tưởng thời kỳ bấy giờ. Các vấn đề liên quan đến các thành viên trong một gia đình thường được điều chỉnh chủ yếu bằng các quy phạm đạo đức, các chuẩn mực đạo đức luôn nhằm củng cố tình thương yêu, mối đoàn kết trong gia đình.

#### *1.3.1.2. Thời kỳ pháp luật thuộc địa - 1990*

Tìm hiểu về di chúc chung của vợ chồng trong các Bộ Dân luật chế độ trước như bộ Dân luật Trung kỳ Đ313, tương tự vấn đề cũng được quy định tại Đ321 Dân luật Bắc kỳ, hay tại Đ572 Dân luật Sài Gòn 1972.

Năm 1990 Pháp lệnh về thừa kế số 44 – LCT/HĐNN8 được Hội đồng Nhà nước ban hành ngày 10/09/1990 điều chỉnh các vấn đề liên quan đến thừa kế.

#### *1.3.2. Từ năm 1990 đến năm 1995*

Pháp lệnh thừa kế năm 1990 được áp dụng trong một thời gian dài và đạt được hiệu quả nhất định. Nhưng, cùng với sự phát triển của xã hội và sự hình thành nền kinh tế thị trường hoàn toàn mới mẻ ở nước ta, sự tồn tại của Pháp lệnh này không còn phù hợp để điều chỉnh các mối quan hệ xã hội nữa. Kế thừa những quy định của Pháp lệnh về thừa kế năm 1990 một cách có chọn lọc cùng với sự sáng tạo của nhà làm luật không chỉ trong lĩnh vực thừa kế mà ở mọi lĩnh vực của giao lưu dân sự, năm 1995 BLDS đầu tiên được ra đời. Các chế định tại BLDS năm 1995 đã có rất nhiều điểm được điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội lúc bấy giờ.

#### *1.3.3. Từ năm 1995 đến năm 2005*

Đây là giai đoạn đất nước đổi mới với xu thế hội nhập quốc tế. Có rất nhiều vấn đề cần được pháp luật điều chỉnh nhằm bình ổn đời sống kinh tế - xã hội. Bên cạnh những văn bản pháp luật đã được ban hành đang được áp dụng thì

thực tế đòi hỏi cần có những văn bản mới, những văn bản sửa đổi, bổ sung các văn bản cũ để theo kịp sự biến động của các quan hệ xã hội. Kế thừa các quy định của BLDS năm 1995, BLDS năm 2005 đã có nhiều quy định mới. Quy định về di chúc chung của vợ chồng là một trong số quy định mới đó. Về cơ bản quy định về di chúc chung của vợ chồng không có thay đổi nhiều, điểm thay đổi quan trọng nhất là quy định về hiệu lực của di chúc chung của vợ chồng. Đ668 BLDS 2005 (Hiệu lực pháp luật của di chúc chung của vợ, chồng): “*Di chúc chung của vợ, chồng có hiệu lực từ thời điểm người sau cùng chết hoặc tại thời điểm vợ, chồng cùng chết*”. [21]

#### ***1.3.4. Từ năm 2005 đến nay***

Kể từ thời điểm BLDS năm 2005 có hiệu lực đến nay không có thêm văn bản nào điều chỉnh về di chúc chung của vợ, chồng. Do quy định về di chúc chung của vợ chồng tại BLDS 2005 có nhiều điểm chưa thực sự hiệu quả nên có nhiều ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện quy định này. Có một số bài viết đã đưa ra quan điểm và đề xuất cá nhân. Tuy nhiên chưa có thay đổi nào của pháp luật. Đây là một thiếu sót lớn cần được xem xét và giải quyết.

## Chương 2

# LÝ LUẬN VỀ DI CHỨC CHUNG CỦA VỢ, CHỒNG VÀ HIỆU LỰC PHÁP LUẬT DI CHỨC CHUNG CỦA VỢ, CHỒNG

### 2.1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ DI CHỨC CHUNG CỦA VỢ CHỒNG

#### 2.1.1. Quyền lập di chúc chung của vợ, chồng

Theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành, vợ, chồng có quyền lập di chúc chung để định đoạt tài sản chung, quyền này được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Quyền này phát sinh từ thời điểm hai người được công nhận là vợ, chồng hợp pháp. Kể từ thời điểm là vợ, chồng hợp pháp thì giữa vợ, chồng hình thành khối tài sản chung, tài sản chung vợ, chồng thuộc sở hữu chung hợp nhất. Vợ, chồng có quyền bình đẳng đối với việc sở hữu tài sản chung này nên vợ, chồng cũng bình đẳng với nhau về việc lập di chúc chung. Vì vậy, tài sản chung có thể được hai người cùng nhau định đoạt trong di chúc chung. Ngoài tài sản chung vợ, chồng còn có thể có tài sản riêng. Đối với tài sản riêng vợ, chồng lập di chúc riêng (di chúc cá nhân) để định đoạt theo ý chí của mình. Vợ, chồng có thể cùng nhau định đoạt toàn bộ khối tài sản chung hoặc có thể định đoạt một phần tài sản chung trong khối tài sản đó

#### 2.1.2. Tài sản chung của vợ, chồng

Di sản thừa kế là tài sản chung của vợ, chồng khi còn sống.

Theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì tài sản chung của vợ, chồng bao gồm:

+)" *Tài sản chung của vợ, chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh và những thu nhập hợp pháp khác của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân*"[24]

+)" *Trong trường hợp tài sản thuộc sở hữu chung của vợ, chồng mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu thì trong giấy chứng nhận quyền sở hữu phải ghi tên của cả vợ, chồng.*"[26]

+)" *Trong trường hợp không có chứng cứ chứng minh tài sản mà vợ, chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó là tài sản chung.*"[27]

### *2.1.2.1. Quyền chỉ định người thừa kế, truất quyền thừa kế của người thuộc diện thừa kế*

Di chúc chung vợ, chồng dùng để định đoạt khối tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất của vợ, chồng. Khi vợ, chồng còn sống quyền sở hữu chung hợp nhất đối với khối tài sản chung được pháp luật bảo đảm thông qua các quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt. Việc lập di chúc để phân chia tài sản là một trong các biểu hiện của quyền tự định đoạt đối với tài sản thuộc sở hữu chung. Vì vậy, vợ, chồng có quyền thoả thuận để lại di chúc cho bất cứ người nào tức là có quyền chỉ định người thừa kế và cũng có thể truất quyền thừa kế của người thuộc diện thừa kế. Người thừa kế theo di chúc chung của vợ, chồng có thể là Nhà nước, tổ chức hoặc cá nhân bất kỳ theo sự chỉ định của người để lại di chúc.

### *2.1.2.2. Quyền phân định tài sản cho người thừa kế*

Như đã phân tích ở trên thì vợ, chồng có quyền định đoạt khối tài sản chung, quyền tự định đoạt còn được thể hiện thông qua quyền phân định phần di sản cho từng người thừa kế. Ngoài việc lựa chọn người được hưởng di sản thì việc phân định phần di sản cho từng người thừa kế là một trong những vấn đề cần thoả thuận. Vấn đề này cũng hoàn toàn phụ thuộc vào ý chí của hai vợ chồng mà không căn cứ vào mối quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng hay huyết thống. Vợ, chồng để lại toàn bộ di sản được định đoạt trong di chúc cho một người hoặc để lại di sản cho nhiều người, phần di sản mà mỗi người được hưởng theo di chúc có thể bằng nhau hoặc không bằng nhau.

### *2.1.2.3. Quyền dành một phần tài sản trong khối di sản để di tặng, thờ cúng*

Quyền tự định đoạt đối với tài sản thuộc sở hữu chung vợ, chồng còn thể hiện trong việc vợ, chồng có quyền dành tặng một phần di sản của mình cho đối tượng nào đó. Sau khi mở thừa kế đối tượng được nghi nhận trong di chúc sẽ được hưởng một phần di sản do vợ, chồng lập di chúc định đoạt. Phần di sản này được tính tách riêng với di sản chia thừa kế.

Ngoài việc dùng một phần tài sản vào việc di tặng vợ, chồng còn có thể dùng một phần di sản vào việc thờ cúng. Theo phong tục, tập quán và văn hoá của người Việt con cháu thờ cúng ông bà tổ tiên là một nét văn hoá, nó vừa giúp

thế hệ sau tưởng nhớ đến thế hệ trước vừa giúp cho các bậc cha, mẹ qua đó giáo dục con cháu lòng hiếu thảo, đức kính trên nhường dưới.

#### *2.1.2.4. Quyền giao nhiệm vụ cho người thừa kế*

Cũng giống như di chúc cá nhân, trong di chúc chung vợ, chồng có quyền giao nhiệm vụ cho người thừa kế. Cùng với việc nhận được di sản người thừa kế có thể được giao thêm các nghĩa vụ khác nhau. Việc giao nghĩa vụ cho người thừa kế không phải là đặt điều kiện trong di chúc. Những nghĩa vụ được giao cho người thừa kế là những nghĩa vụ mà khi còn sống vợ, chồng chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa xong. Pháp luật về thừa kế hiện hành không cho phép người lập di chúc đặt điều kiện cho người hưởng thừa kế. Phần nhiều trên thực tế các nghĩa vụ được giao thường là các nghĩa vụ đạo đức, nhưng pháp luật về thừa kế hiện hành không dự liệu các nghĩa vụ này mà đề cập đến các nghĩa vụ về tài sản.

#### *2.1.2.5. Quyền chỉ định người giữ di chúc, người quản lý di sản, người chia di sản.*

Thông thường sau khi lập di chúc vợ, chồng sẽ cùng nhau tự lưu giữ di chúc chung, cũng có thể yêu cầu cơ quan công chứng lưu giữ hay gửi người khác giữ bản di chúc chung. Nếu vợ, chồng tự bảo quản, lưu giữ di chúc thì theo cách họ mà bản di chúc chung được cất giữ. Trong quá trình tự bảo quản, giữ di chúc vợ, chồng có thể cho những người khác biết về việc có bản di chúc chung hoặc để đến trước khi chết mới công bố công khai sự tồn tại của di chúc chung đó để khi chết đi bản di chúc chung được biết đến rồi và người thừa kế được hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ được đề cập trong di chúc chung mà tránh được mâu thuẫn có thể có nếu sớm công khai di chúc chung.

#### ***2.1.3. Hình thức, nội dung và mục đích của di chúc chung của vợ, chồng***

Về hình thức của di chúc chung của vợ chồng, từ trước đến nay pháp luật không có quy định trực tiếp nên vấn đề này được áp dụng tương tự như đối với di chúc cá nhân thông thường. Có hai hình thức để thể hiện di chúc chung của vợ chồng, di chúc bằng văn bản hoặc di chúc miệng. Việc lựa chọn hình thức thể hiện cũng cần có sự thoả thuận của hai vợ chồng. Trong trường hợp phải lập di chúc miệng thì trong thời hạn năm ngày kể từ ngày người lập di chúc thể hiện ý

chí cuối cùng thì di chúc phải công chứng, chứng thực và nếu sau ba tháng kể từ thời điểm di chúc miệng mà vợ, chồng còn sống, minh mẫn, sáng suốt thì di chúc miệng mặc nhiên bị huỷ bỏ.

*2.1.3.1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ di chúc chung của vợ chồng*

Khoản 2 Điều 664 BLDS 2005 qui định: “*Khi vợ hoặc chồng muốn sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ di chúc chung thì phải được sự đồng ý của người kia; nếu một người đã chết thì người kia chỉ có thể sửa đổi, bổ sung di chúc liên quan đến phần tài sản của mình*”. [32]

Như vậy việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ di chúc chung của vợ chồng phải dựa trên nguyên tắc nhất trí. Chỉ khi vợ, chồng cùng nhau thống về việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ di chúc chung thì mới thực hiện được các công việc trên. Khi một người đã chết thì người kia chỉ được tác động đến phần di chúc liên quan đến phần tài sản của mình chứ không được tác động đến phần tài của người đã chết.

## **2.2. HIỆU LỰC PHÁP LUẬT CỦA DI CHỨC CHUNG CỦA VỢ, CHỒNG**

### ***2.2.1. Điều kiện có hiệu lực của di chúc chung của vợ, chồng***

Tại các quy định của pháp luật thừa kế từ trước tới BLDS năm 2005 đều không có đề cập cụ thể đến điều kiện có hiệu lực của di chúc chung của vợ, chồng. Trên thực tế khi xét điều kiện có hiệu lực của di chúc chung thì áp dụng tương tự như đối với di chúc của cá nhân trên cơ sở tính đến tính đặc điểm riêng của di chúc chung của vợ, chồng. Pháp luật thừa kế hiện hành quy định về các trường hợp di chúc không có hiệu lực một phần hoặc toàn bộ tại K 2, 3, 4, 5 Đ667 BLDS năm 2005.

Các quy phạm pháp luật dân sự nói chung và quy phạm pháp luật thừa kế nói riêng có nhiều thay đổi nhưng điều kiện có hiệu lực của di chúc chung của vợ, chồng tồn tại khá ổn định. Điều kiện có hiệu lực của di chúc chung của vợ, chồng tập trung vào các sự kiện pháp lý xảy ra làm mất đi điều kiện hình thành, tồn tại của di chúc chung.



Để có di chúc điều kiện tiên quyết là phải có di sản, vì di chúc được lập nhằm chuyển giao toàn bộ hoặc một phần di sản của người lập di chúc cho người khác.

Bên cạnh sự tồn tại của di sản thì sự tồn tại người thừa kế cũng là điều kiện để di chúc có hiệu lực.

Trong khoảng thời gian từ khi lập bản di chúc chung đầu tiên đến khi di chúc chung có hiệu lực pháp luật vợ, chồng có thể lập thêm một hoặc nhiều bản di chúc chung khác. Các bản di chúc chung định đoạt cùng một tài sản thì bản di chúc chung cuối cùng sẽ có hiệu lực pháp luật.

### ***2.2.2. Thời điểm có hiệu lực của di chúc chung của vợ chồng***

Thông thường thì thời điểm mở thừa kế di chúc chung phát sinh hiệu lực, di chúc chung được mang ra thực hiện theo ý chí của vợ, chồng đã định đoạt. Thời điểm này có ý nghĩa đối với việc xác định phần tài sản chung nào là di sản và các nghĩa vụ về tài sản mà vợ, chồng để lại; xác định những người có quyền hưởng di sản của vợ, chồng theo di chúc; là căn cứ bắt đầu tính thời hiệu khởi kiện về thừa kế. Với ý nghĩa như vậy việc xác định chính xác thời điểm có hiệu lực của di chúc nói chung và di chúc chung của vợ, chồng nói riêng là rất quan trọng, không xác định đúng thời điểm này sẽ dẫn tới hàng loạt các tranh chấp liên quan đến di chúc chung, xâm phạm tới quyền và lợi ích hợp pháp của người hưởng thừa kế và những người có quyền và lợi ích liên quan.

Tùy các giai đoạn phát triển khác nhau của xã hội mà luật dân sự quy định về thời điểm phát sinh hiệu lực của di chúc chung cũng khác nhau. BLDS 1995 quy định về thời điểm có hiệu lực của di chúc chung của vợ, chồng:

*Trong trường hợp vợ, chồng lập di chúc chung mà có một người chết trước, thì chỉ phần di chúc liên quan đến phần di sản của người chết trong tài sản chung có hiệu lực pháp luật; nếu vợ chồng có thoả thuận trong di chúc về thời điểm có hiệu lực của di chúc là thời điểm người sau cùng chết, thì di sản của vợ, chồng theo di chúc chung chỉ được phân chia từ thời điểm đó.[36]*

Sau BLDS năm 1995, BLDS năm 2005 đã có thay đổi lớn trong quy định về thời điểm có hiệu lực của di chúc của chung vợ, chồng.

Cách dự liệu của BLDS năm 2005 hoàn toàn khác với các quy định trước đó, tại Đ668 BLDS năm 2005 quy định: “*Di chúc chung của vợ, chồng có hiệu lực kể từ thời điểm người sau cùng chết hoặc thời điểm hai vợ, chồng cùng chết.*”[37] BLDS năm 2005 đã loại bỏ quyền tự thoả thuận lựa chọn thời điểm có hiệu lực của di chúc chung của vợ, chồng.

## Chương 3

# THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH VỀ DI CHỨC CHUNG CỦA VỢ, CHỒNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT

### 3.1. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH VỀ DI CHỨC CHUNG CỦA VỢ, CHỒNG

Hiện nay, quy định về di chúc chung của vợ, chồng được ghi nhận tại Đ663, Đ664 và Đ668 BLDS năm 2005. Tính cho đến thời điểm hiện tại chưa có văn bản nào hướng dẫn cụ thể về việc áp dụng quy định này mặc dù có khá nhiều điểm chưa được rõ. Từ thực tiễn áp dụng BLDS năm 2005 cho thấy nhiều điểm chưa hợp lý gây ra nhiều khó khăn khi giải quyết các tranh chấp phát sinh. Từ việc nghiên cứu các quy định về thừa kế nói chung và quy định về di chúc nói riêng cùng với các quy định về di chúc chung vợ, chồng tại BLDS năm 2005 học viên nhận thấy có một số vấn đề cần bàn luận.

#### *3.1.1. Quyền lập di chúc chung của vợ, chồng*

Khi xem xét về quyền lập di chúc chung của vợ chồng ta nhận thấy có sự xung đột giữa quy định này với quy định tại Đ646 BLDS năm 2005. Đ646 BLDS năm 2005 định nghĩa: “*Di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết.*”[38] Như vậy, ta hiểu rằng di chúc là phương tiện để cá nhân định đoạt tài sản thuộc sở hữu của mình sau khi chết, không có di chúc của cộng đồng hay di chúc tập thể. Còn Đ663 BLDS năm 2005 quy định: “*Vợ, chồng có quyền lập di chúc để định đoạt tài sản chung.*”[39] Hoàn toàn khác với định nghĩa về di chúc, di chúc chung của vợ, chồng lại là sự *thể hiện ý chí chung* của vợ, chồng nhằm chuyển giao tài sản chung của vợ, chồng. Sự mâu thuẫn trên tạo ra rất nhiều quan điểm xung quanh vấn đề quyền lập di chúc chung của vợ chồng được quy định tại BLDS năm 2005. Luồng quan điểm ủng hộ di chúc chung cho rằng nên công nhận di chúc chung của vợ, chồng và coi đây là trường hợp di chúc đặc biệt. Nhưng cũng có không ít quan điểm trung thành với quy định tại Đ646 BLDS năm 2005, phủ nhận di chúc chung của vợ, chồng. Theo quan điểm thứ hai thì Tòa án hoàn toàn có quyền phủ nhận hiệu lực của di chúc chung của vợ chồng vì nó đi ngược lại

nguyên tắc chung, khi người vợ hay người chồng chết coi như không có di chúc và phân di sản của người này được chia thừa kế theo pháp luật.

### ***3.1.2. Về di sản chia thừa kế***

Theo quy định tại Đ663 BLDS 2005 thì vợ chồng có thể lập di chúc chung để định đoạt tài sản chung. Như vậy, di sản chia thừa kế trong trường hợp này phải là tài sản chung của vợ, chồng khi còn sống.

Tuy nhiên, vợ, chồng không chỉ có tài sản chung mà mỗi người còn có thể có tài sản riêng. Trong trường hợp ngoài việc lập di chúc chung họ còn muốn lập di chúc để định đoạt tài sản riêng sẽ xuất hiện hai di chúc: *di chúc chung của vợ, chồng và di chúc cá nhân*. Hai di chúc này cùng được lập theo đúng quy định của pháp luật thì hai di chúc có hay không phủ nhận hiệu lực lẫn nhau?

### ***3.1.3. Việc thừa kế lẫn nhau giữa vợ và chồng; người thừa kế không phụ thuộc nội dung di chúc***

#### ***3.1.2.1. Thừa kế lẫn nhau giữa vợ và chồng***

Giữa vợ và chồng có mối quan hệ tình cảm đặc biệt khăng khít, pháp luật quy định họ thuộc hàng thừa kế thứ nhất của nhau. Vậy khi cùng nhau để lại di chúc chung họ có thể để thừa kế lẫn nhau được không? Tài sản được định đoạt trong di chúc là tài sản chung của vợ chồng, nếu có thể để lại thừa kế cho người vợ hoặc chồng thì phần di sản được hưởng được tính là di sản chung hay chỉ là di sản riêng của người kia?

#### ***3.1.2.1. Người thừa kế không phụ thuộc nội dung di chúc chung của vợ, chồng***

Xác định sao cho chính xác đối tượng nào là đối tượng được hưởng di sản không phụ thuộc nội dung di chúc chung vợ, chồng là không thể thực hiện được. Điều 669 BLDS năm 2005

Vợ, chồng có con chung và cũng có thể có con riêng. Người con riêng của người nào được hưởng di sản của người đó. Nhưng di chúc chung của vợ, chồng định đoạt tài sản chung bao gồm phần tài sản chung của cả hai vợ, chồng. Vậy, người con riêng chưa thành niên hay đã thành niên mà không có khả năng lao động có được hưởng di sản không phụ thuộc vào nội dung di chúc chung của vợ, chồng không? Nếu được hưởng thì họ được coi là quan hệ như thế nào với

người không phải bố (mẹ) đẻ mình? Nếu không cho hưởng thì họ bị mất quyền lợi vì rõ ràng họ thuộc đối tượng được hưởng di sản không phụ thuộc nội dung di chúc.

Vợ, chồng vừa là chủ thể lập di chúc chung vừa là đối tượng hưởng di sản không phụ thuộc nội dung di chúc của nhau. Như đã phân tích ở trên việc người vợ, người chồng hưởng di sản của nhau trong trường hợp đặc biệt này có nhiều vấn đề vướng mắc.

Theo pháp luật thừa kế cha, mẹ được hưởng di sản của con là cha, mẹ đẻ hoặc cha mẹ nuôi, cha, mẹ vợ (chồng) không thuộc đối tượng này. Tương tự như đối với con riêng của một trong hai vợ, chồng. Cha, mẹ vợ (chồng) chỉ là cha mẹ của một trong hai chủ thể lập di chúc, quan hệ của họ với chủ thể còn lại là quan hệ về mặt pháp luật chứ không phải quan hệ huyết thống. Họ có được hưởng di sản không phụ thuộc vào nội dung di chúc chung của vợ, chồng hay không?

#### ***3.1.4. Về hiệu lực của di chúc***

Theo quy định tại Đ668 BLDS 2005: *“Di chúc chung của vợ, chồng có hiệu lực từ thời điểm người sau cùng chết hoặc tại thời điểm vợ, chồng cùng chết”*. [41] Trên thực tế rất ít trường hợp vợ chồng cùng chết mà thường thời điểm hai người chết không trùng nhau. Như vậy, sau khi người thứ nhất chết di chúc chung vẫn chưa phát sinh hiệu lực. Tuy nhiên pháp luật về thừa kế xác định thời điểm mở thừa kế là thời điểm người để lại thừa kế chết, ý chí của người để lại thừa kế cũng mong muốn di sản được chia ngay sau khi mình chết. Quy định về thời điểm có hiệu lực của di chúc chung đã vi phạm sự tự do ý chí của các chủ thể và vi phạm nguyên tắc chung của pháp luật thừa kế.

Trường hợp người vợ hoặc chồng mà sống lâu hơn người được hưởng thừa kế (như cha mẹ người đã chết ...) thì sẽ làm mất đi cơ hội được hưởng thừa kế của những người này do luật quy định người hưởng thừa kế phải còn sống vào thời điểm mở thừa kế. Những người này đã chết không được hưởng thừa kế thì phần di sản đáng lẽ họ được hưởng sẽ được giải quyết như thế nào? Cõi phần di chúc chung đó vô hiệu hay cho hưởng thừa kế thế vị hay có phương án khác để giải quyết?

Nếu người chết đồng thời có hai di chúc, di chúc chung của vợ, chồng và di chúc định đoạt tài sản riêng thì di chúc định đoạt tài sản riêng sẽ phát sinh hiệu lực trước. Vậy là trên cùng một sản nghiệp của người chết nhưng lại được chia di chúc hai lần, lần thứ nhất là chia thừa kế đối với phần di sản không được định đoạt trong di chúc chung vào lúc người để lại di chúc chết, lần thứ hai chia di sản trong di chúc chung khi di chúc chung có hiệu lực. Sẽ có hai lần người nhận thừa kế phải yêu cầu toà án phân chia di sản, hai lần toà án thụ lý giải quyết tranh chấp đối với tài sản của cùng một người. Có quan điểm cho rằng điều này sẽ vi phạm nguyên tắc đã xét xử xong rồi thì toà án không thụ lý, giải quyết lại.

Hiệu lực của di chúc được quy định như vậy còn có thể xâm phạm tới lợi ích của các chủ nợ.

### **3.1.5. Hình thức của di chúc chung của vợ, chồng**

Theo quy định tại Đ649 BLDS năm 2005 thì di chúc phải được lập thành văn bản, nếu không thể lập di chúc được bằng văn bản thì có thể lập di chúc miệng. BLDS năm 2005 không có đề cập gì riêng về hình thức của di chúc chung của vợ, chồng nên có thể hiểu nhà làm luật ngầm định di chúc chung của vợ, chồng được lập theo hình thức của di chúc cá nhân. Nhưng không phải lúc nào cũng có thể lập di chúc chung của vợ, chồng theo trình tự thủ tục và hình thức của di chúc cá nhân.

Việc lập di chúc miệng được quy định: *“trong trường hợp tính mạng một người bị cái chết đe dọa do bệnh tật hoặc nguyên nhân khác mà không thể lập di chúc bằng văn bản thì có thể lập di chúc miệng”*[42]. Áp dụng quy định này đối với việc lập di chúc chung của vợ, chồng ta có thể nhận thấy có rất nhiều điểm bất hợp lý.

### **3.1.6. Việc thay thế, bổ sung, huỷ bỏ di chúc chung của vợ, chồng**

K2 Đ664 BLDS năm 2005 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng muốn sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ di chúc chung thì phải có sự đồng ý của người kia; nếu một người đã chết thì người kia chỉ có thể sửa đổi, bổ sung di chúc liên quan đến phần tài sản của mình”*. [46] Điều này được hiểu việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ di chúc chung được thực hiện trên nguyên tắc nhất trí, một bên

không thể thực hiện được những việc này nếu không có sự nhất trí của bên kia. Khi xem xét quy định này trong tương quan với các quy định khác về thừa kế nhận thấy có nhiều điểm chưa thực sự phù hợp với nhau.

### ***3.1.7. Chấm dứt sự tồn tại của di chúc chung của vợ, chồng***

Vấn đề chấm dứt sự tồn tại của di chúc chung của vợ, chồng chưa được các nhà làm luật dự liệu. Di chúc chung của vợ, chồng xuất hiện trên hai căn cứ: quan hệ hôn nhân và quan hệ sở hữu chung về tài sản; đây chính là quan hệ tiền đề cho sự xuất hiện của di chúc chung. Theo cách hiểu hiện tại thì khi một trong hai hoặc cả hai quan hệ này không còn nữa thì di chúc chung cũng không còn hiệu lực, tuy nhiên không hề có một quy định nào đề cập đến vấn đề này. Có rất nhiều tình huống xảy ra có thể làm chấm dứt quan hệ tiền đề cho việc hình thành di chúc chung: vợ, chồng đã lập di chúc chung nhưng do một lý do nào đó lại muốn chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân hoặc vợ, chồng ly hôn; sau khi lập di chúc chung thì một người bị tuyên bố mất tích (bị tuyên bố chết) người còn lại kết hôn với người khác sau đó người bị tuyên bố mất tích (tuyên bố chết) quay về nhưng không thể thiết lập lại quan hệ hôn nhân... Khi rơi vào một trong các trường hợp như vậy người áp dụng pháp luật sẽ gặp nhiều khó khăn vì nếu áp dụng theo cách hiểu thông thường có thể vấp phải sự phản ứng của các bên tranh chấp.

## **3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT**

### ***3.2.1. Nên hay không công nhận việc lập di chúc chung của vợ, chồng***

Mặc dù di chúc chung của vợ, chồng đã có quá trình tồn tại rất lâu dài và ngay từ khi có pháp luật về thừa kế thì đã có các quy định tiền đề đối với sự tồn tại của di chúc chung của vợ, chồng. Nhưng qua thời gian các quy định về di chúc chung không làm được những điều mà nhà làm luật cũng như các chủ thể khác mong muốn. Không những thế có không ít rắc rối, tranh chấp xảy ra xung quanh di chúc chung của vợ, chồng.

### ***3.2.2. Một số kiến nghị đối với các quy định về di chúc chung của vợ, chồng***

#### ***3.2.2.1. Sự tồn tại của di chúc chung của vợ, chồng***

Nên tách riêng và quy định di chúc chung của vợ, chồng là một loại di chúc đặc biệt bên cạnh di chúc cá nhân. Di chúc chung của vợ, chồng có những đặc thù riêng nên cần quy định thành một mục riêng hoặc quy định những ngoại lệ cho loại di chúc này. Sự tách biệt giữa 2 loại di chúc chung và di chúc của cá nhân sẽ giải quyết được một số điểm khúc mắc khi áp dụng quy định về di chúc chung của vợ, chồng.

#### *3.2.2.2. Đối với quy định về hiệu lực của di chúc chung của vợ, chồng*

Nên quay lại tinh thần của quy định tại BLDS 1995 theo đó trong trường hợp vợ, chồng lập di chúc chung mà một người chết trước, thì chỉ phần di chúc liên quan đến phần di sản của người chết trong tài sản chung có hiệu lực pháp luật; nếu vợ chồng có thoả thuận trong di chúc về thời điểm có hiệu lực của di chúc chung là thời điểm người sau cùng chết, thì di sản của vợ, chồng theo di chúc chung chỉ được phân chia từ thời điểm đó.

#### *3.2.2.3. Đối với hình thức của di chúc chung của vợ, chồng*

Như đã phân tích việc lập di chúc chung bằng hình thức di chúc miệng hoặc lập bằng văn bản nhưng không có người làm chứng là không khả thi. Vì vậy, riêng di chúc chung phải được lập bằng văn bản và có người làm chứng. Có như vậy mới đảm bảo được sự tự do ý chí, tránh sự lợi dụng của cả hai bên. Và cũng dễ dàng hơn cho chủ thể khi lập di chúc chung mà không phải băn khoăn về việc lựa chọn hình thức di chúc.

#### *3.2.2.4. Đối với việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ di chúc chung của vợ, chồng*

Để đảm bảo quyền tự do định đoạt của cá nhân, đảm bảo di chúc chung phán ánh được sự thoả thuận của hai vợ chồng thì bên cạnh việc quy định vợ, chồng cần cùng nhau thoả thuận khi muốn sửa đổi, bổ sung, thay thế hay huỷ bỏ di chúc thì cũng cần phải quy định cho vợ, chồng được quyền tự do trong việc định đoạt tài sản riêng trong khối tài sản chung. Theo ý kiến của học viên nên quy định: “khi vợ, chồng muốn sửa đổi, bổ sung, thay thế hay huỷ bỏ di chúc chung thì cần có sự đồng ý của bên kia. Ngoài ra, các bên có quyền tự sửa đổi, bổ sung di chúc chung trong phạm vi phần tài sản của mình. Việc sửa đổi, bổ



sung theo ý chí của bên nào thì có giá trị đối với phần tài sản của người đó trong khối tài sản chung.”

#### *3.2.2.5. Đối với việc công chứng, chứng thực di chúc chung của vợ, chồng*

Theo tinh thần của pháp luật thừa kế hiện hành vợ, chồng sau khi lập di chúc có thể yêu cầu công chứng hoặc chứng thực di chúc. Việc yêu cầu công chứng, chứng thực hay không hoàn toàn phụ thuộc vào ý chí của vợ, chồng. Tuy nhiên, do các đặc thù của di chúc chung vợ, chồng luôn có hai chủ thể là vợ và chồng lập di chúc và tài sản được định đoạt là tài sản thuộc sở hữu chung vợ, chồng, theo ý kiến cá nhân học viên nên quy định bắt buộc phải công chứng hoặc chứng thực. Việc công chứng hoặc chứng thực này sẽ đảm bảo được sự thỏa thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng.

#### *3.2.2.6. Đối với sự chấm dứt đương nhiên của di chúc chung của vợ, chồng*

Do chưa có một quy định nào về việc này nên cần phải bổ sung những trường hợp làm đương nhiên chấm dứt hiệu lực của di chúc chung. Có quy định cụ thể như vậy mới có căn cứ để giải quyết tình huống, tránh được cách hiểu không thống nhất và những tranh chấp không đáng có.

### **3.2.3. Kiến nghị cụ thể**

#### *3.2.3.1. Thay đổi quy định đối với thời điểm phát sinh hiệu lực của di chúc chung của vợ, chồng*

Đ668 (sửa đổi, bổ sung): *Thời điểm có hiệu lực của di chúc chung của vợ, chồng*

*Khi người vợ hoặc người chồng chết trước thì phần di chúc có liên quan đến di sản của người chết trước có hiệu lực pháp luật. Trừ trường hợp vợ, chồng thỏa thuận khác.*

*Trong trường hợp vợ, chồng thỏa thuận thời điểm có hiệu lực của di chúc chung là thời điểm người sau cùng chết, thì di sản được định đoạt trong di chúc chung chỉ được phân chia từ thời điểm đó. Việc phân chia di sản không làm ảnh hưởng đến quyền thừa kế của những người thừa kế hợp pháp khác của các bên vợ, chồng trong việc yêu cầu toà án bảo vệ quyền thừa kế hợp pháp của mình trong trường hợp một người chết trước.*

3.2.3.2. Quy định đối với việc sửa đổi, bổ sung, thay thế di chúc chung của vợ, chồng

Đ664: (sửa đổi, bổ sung)

Khoản 1. Giữ nguyên

Khoản 2. Khi vợ, chồng muốn sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ di chúc chung thì phải có sự đồng ý của bên kia. Một bên cũng có quyền tự mình sửa đổi, bổ sung, thay thế huỷ bỏ di chúc chung trong phạm vi di sản của mình. Phần sửa đổi bổ sung theo ý chí của cá nhân bên nào thì chỉ có giá trị không vượt quá phần tài sản của bên đó trong khối tài sản chung.

Nếu vợ, chồng thoả thuận về thời điểm có hiệu lực của di chúc là thời điểm người sau cùng chết, mà có một bên chết trước thì người còn sống chỉ có thể sửa đổi, bổ sung di chúc liên quan đến phần tài sản của mình.

Khoản 4. Thời điểm có hiệu lực của phần di chúc chung không bị sửa đổi, bổ sung và phần di chúc chung bị sửa đổi, bổ sung theo thoả thuận của vợ, chồng được xác định theo quy định của Đ668 Bộ luật này. Phần di chúc chung đã bị sửa đổi, bổ sung theo ý chí của một bên vợ, hoặc chồng có hiệu lực theo quy định tại Đ667 Bộ luật này.

3.2.3.3. Bổ sung quy định về hiệu lực của di chúc trong trường hợp một người hoặc cả hai vợ, chồng lập nhiều bản di chúc

Đ668 (bổ sung): Nếu một người vừa lập di chúc chung, vừa lập di chúc riêng hoặc lập nhiều bản di chúc chung với nhiều người khác nhau, thì việc xác định giá trị pháp lý của các bản di chúc này dựa vào quy định tại các Đ662, Đ664, K5 Đ667, Đ668 của Bộ luật này.

3.2.3.4. Về thời hiệu khởi kiện

Đ645 (bổ sung)

Phần quy định cũ của BLDS 2005 giữ nguyên, bổ sung thêm

Khoản 2: Thời hiệu khởi kiện về thừa kế đối với di chúc chung được bắt đầu lại trong trường hợp: Vợ, chồng có thoả thuận thời điểm có hiệu lực của di chúc chung là thời điểm người sau cùng chết, thì thời điểm tính khởi kiện lại được tính bắt đầu từ ngày di chúc chung có hiệu lực.

3.2.3.5. Về việc công chứng, chứng thực di chúc

Đ657 (bổ sung):

*Riêng đối với di chúc chung của vợ, chồng bắt buộc phải được công chứng, chứng thực.*

*Trường hợp di chúc chung của vợ, chồng là di chúc miệng thì sau khi người làm chứng thể hiện ý chí của người lập di chúc bằng văn bản, văn bản đó phải được công chứng, chứng thực*

3.2.3.6. Nghĩa vụ do vợ, chồng lập di chúc để lại

Đ637 (Bổ sung):

*Trong trường hợp nghĩa vụ về tài sản được đề cập trong di chung của vợ, chồng thì nghĩa vụ đó phải đáp ứng quy định tại Đ683 Bộ luật này và là nghĩa vụ tài sản chung của vợ, chồng.*

## KẾT LUẬN

Trong khuôn khổ luận văn, học viên đã tập trung làm sáng tỏ các vấn đề sau:

1. Pháp luật về thừa kế đã hình thành và tồn tại rất lâu, qua quá trình tồn tại và phát triển pháp luật về thừa kế có nhiều sự sửa đổi, bổ sung trên cơ sở kế thừa các quy định trước và các chuẩn mực đạo đức. Trong mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau pháp luật về thừa kế có sự thay đổi cho phù hợp với tình hình xã hội. Tuy nhiên mọi sự thay đổi đều tôn trọng con người, tôn trọng quyền sở hữu đối với tài sản của công dân, đảm bảo quyền tự do thể hiện ý chí, tự định đoạt của công dân; bảo vệ trật tự xã hội, quyền lợi của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể.

2. Thừa kế là sự chuyển giao tài sản từ người đã chết cho người còn sống. Có hai hình thức thừa kế: thừa kế theo di chúc và thừa kế theo pháp luật. Mỗi hình thức thừa kế đều có đặc điểm riêng. Đặc biệt là thừa kế theo di chúc, với đặc thù là sự thể hiện ý chí của cá nhân sở hữu tài sản, pháp luật tôn trọng và bảo vệ sự tự do đó. Tuy nhiên, đây cũng chính là nguyên nhân gây ra nhiều tranh chấp về thừa kế cần giải quyết.

3. Bên cạnh di chúc cá nhân còn có sự tồn tại của một loại di chúc đặc biệt: Di chúc chung vợ, chồng. Di chúc chung có đặc điểm và quá trình hình thành phát triển riêng của nó. Ở mỗi thời kỳ đều có cách hiểu riêng về di chúc chung và các vấn đề có liên quan. Có những thời điểm, di chúc chung không được công nhận, hoặc chỉ được công nhận một cách gián tiếp. Nhưng do tất yếu xã hội việc cụ thể hoá các vấn đề liên quan đến di chúc chung là điều không thể không thực hiện. Và cũng chính do sự phát triển của các quan hệ xã hội đã làm nảy sinh yêu cầu phải ngày càng hoàn thiện các quy định của pháp luật nói chung, quy định của pháp luật thừa kế nói riêng, trong đó có quy định về di chúc chung vợ, chồng. Như vậy sẽ hạn chế được tối đa các tranh chấp, và nếu có tranh chấp thì cơ quan hành pháp sẽ có cơ sở vững chắc để giải quyết triệt để các tranh chấp đó, nâng cao chất lượng giải quyết các vụ việc dân sự nói chung các

tranh chấp thừa kế nói riêng. Như vậy sẽ ngày càng khẳng định được tính nghiêm minh, công bằng của pháp luật, củng cố lòng tin của người dân với chế độ, với Đảng và Nhà nước.

4. Qua phân tích các vấn đề: bản chất, nội dung, hình thức, hiệu lực... của di chúc chung giúp chúng ta có cái nhìn bao quát về di chúc chung vợ, chồng. Từ đó hiểu được bản chất của di chúc chung vợ, chồng. Trên cơ sở tìm hiểu và phân tích có sự sánh quy định về di chúc chung vợ, chồng qua các thời kỳ tìm ra được những điểm tiến bộ cũng như điểm còn hạn chế trong quy định của pháp luật thừa kế hiện hành, chỉ ra những vướng mắc khi áp dụng các quy định này vào thực tiễn.

5. Học viên đưa ra một số kiến nghị về mặt lý luận và kiến nghị cụ thể về việc sửa đổi, bổ sung các quy định trong BLDS 2005 nhằm hoàn thiện hơn pháp luật về thừa kế.